Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 71

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006, và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 cấp ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch, Thành viên độc lập	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên độc lập	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Nhóm Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Ông Chế Đoàn Viên được Bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 102A-2404-GUQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 0304592127 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 12925844/67736242/LR/HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 71, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811602 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ERNST & YOUNG VIỆT NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.067.907.198.861**	**947.639.699.363**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***7.229.712.423***	***8.461.339.357***
111	1. Tiền		7.229.712.423	4.261.339.357
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***230.000.000***	***230.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	230.000.000	230.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***1.009.903.506.467***	***845.395.421.575***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	246.404.006.033	239.558.303.914
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	224.127.900.197	80.957.663.203
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	327.186.003.049	266.334.265.625
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	296.919.583.861	340.356.202.385
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(84.733.986.673)	(81.811.013.552)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***12***	***37.515.420.810***	***29.168.608.393***
141	1. Hàng tồn kho		71.923.526.484	63.724.327.379
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(34.408.105.674)	(34.555.718.986)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***13.028.559.161***	***64.384.330.038***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.850.106.993	50.416.954.766
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	11.175.899.643	13.954.750.488
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	2.552.525	12.624.784

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**928.713.487.125**	**912.758.343.006**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		**375.035.983.496**	***389.469.485.495***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	45.420.575.396	44.329.575.396
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	329.615.408.100	345.139.910.099
220	***II. Tài sản cố định***		**107.706.824.307**	***86.305.316.088***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	1.985.368.128	1.324.037.529
222	Nguyên giá		4.745.222.044	14.438.805.810
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.759.853.916)	(13.114.768.281)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	105.721.456.179	84.981.278.559
228	Nguyên giá		136.386.306.270	102.179.503.617
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(30.664.850.091)	(17.198.225.058)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***15.917.336.396***	***13.367.018.518***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	15.917.336.396	13.367.018.518
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***18***	***278.009.503.254***	***383.408.540.098***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	244.123.957.468	348.572.994.312
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	45.052.910.277	46.002.910.277
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.2	(11.167.364.491)	(11.167.364.491)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***152.043.839.672***	***40.207.982.807***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	3.972.741.106	1.484.504.008
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	3.842.174.603	7.895.844.762
269	3 Lợi thế thương mại	17	144.228.923.963	30.827.634.037
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.996.620.685.986**	**1.860.398.042.369**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**595.558.123.580**	**477.098.903.310**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***529.071.421.703***	***408.623.646.511***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	156.696.778.875	98.153.102.705
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	22	25.222.706.158	29.155.365.881
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	37.131.199.889	32.330.181.730
314	4. Phải trả người lao động		5.754.638.248	5.107.804.827
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	32.593.085.325	27.448.675.197
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	23	68.998.162.266	45.075.825.259
320	7. Vay ngắn hạn	24	202.674.850.942	171.352.690.912
330	***II. Nợ dài hạn***		***66.486.701.877***	***68.475.256.799***
338	1. Vay dài hạn	24	37.454.882.618	39.014.432.856
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	29.031.819.259	29.460.823.943
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**1.401.062.562.406**	**1.383.299.139.059**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***1.401.062.562.406***	***1.383.299.139.059***
411	1. Vốn cổ phần	25.1	1.313.532.640.000	1.313.532.640.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.313.532.640.000*	*1.313.532.640.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	140.518.254	140.518.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	86.549.411.608	57.414.341.843
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*57.414.341.843*	*30.555.633.680*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*29.135.069.765*	*26.858.708.163*
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	839.992.544	12.211.638.962
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.996.620.685.986**	**1.860.398.042.369**

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lưu Anh Khoa
Người lập

Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng

Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
01	**1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**28.1**	**284.036.464.970**	**143.294.334.475**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**28.1**	**-**	**(1.337.689.458)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**28.1**	**284.036.464.970**	**141.956.645.017**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**29**	**(252.385.224.394)**	**(107.453.253.529)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**31.651.240.576**	**34.503.391.488**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**28.2**	**76.991.631.271**	**21.054.855.244**
22	**7. Chi phí tài chính**	**30**	**(10.756.892.904)**	**(10.229.150.422)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(8.306.578.721)*	*(10.048.072.400)*
24	**8. Phần lỗ trong công ty liên kết**	**18.1**	**(2.740.102.409)**	**(315.454.050)**
25	**9. Chi phí bán hàng**	**31**	**(9.552.339.701)**	**(8.209.283.230)**
26	**10. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**31**	**(57.928.647.472)**	**(26.828.981.190)**
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**27.664.889.361**	**9.975.377.840**
31	**12. Thu nhập khác**		**42.339.632**	**480.200.000**
32	**13. Chi phí khác**	**32**	**(2.193.656.348)**	**(5.245.544.193)**
40	**14. Lỗ khác**		**(2.151.316.716)**	**(4.765.344.193)**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**25.513.572.645**	**5.210.033.647**
51	**16. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**34.1**	**(434.455.909)**	**3.929.753.635**
52	**17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**	**34.1**	**(3.624.665.475)**	**-**
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**21.454.451.261**	**9.139.787.282**

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**29.135.069.765**	**9.969.594.703**
62	**20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát**	**27**	**(7.680.618.504)**	**(829.807.421)**
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**26**	**213**	**168**
71	**22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**26**	**213**	**168**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**25.513.572.645**	**5.210.033.647**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	14, 15,17	17.319.691.169	5.761.103.385
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		10.801.953.926	(28.698.461.916)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(72.255.653.930)	(11.102.309.090)
06	Chi phí lãi vay	30	8.306.578.721	10.048.072.400
08	**Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(10.313.857.469)**	**(18.781.561.574)**
09	Tăng các khoản phải thu		(208.586.233.226)	(12.123.100.990)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(65.949.687.031)	21.580.919.080
11	Tăng các khoản phải trả		212.032.103.673	7.088.982.674
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		25.110.953.327	(13.893.294.220)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.390.926.893)	(5.615.843.128)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(151.736.409)	(5.500.000.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(53.249.384.028)**	**(27.243.898.158)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(61.290.018.796)	(1.332.114.959)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	570.109.091
23	Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		(51.284.736.065)	(52.225.997.700)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		50.018.134.521	84.379.667.278
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(34.186.277.729)	(343.361.250.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		15.695.795.174	37.231.370.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay		22.735.725.627	5.762.653.158
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(58.311.377.268)**	**(268.975.563.132)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay nhận được	24	200.819.383.783	337.355.335.825
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	24	(90.490.249.421)	(60.134.933.874)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**110.329.134.362**	**277.220.401.951**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ**		**(1.231.626.934)**	**(18.999.059.339)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**8.461.339.357**	**26.473.013.864**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**5**	**7.229.712.423**	**7.473.954.525**

Lưu Anh Khoa	Nguyễn Thị Khánh Trang	Chế Đoàn Viên
Người lập	Kế toán trưởng	Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 cấp ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại, bán lẻ, dịch vụ công nghệ thông tin, hoạt động hậu kỳ, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động viễn thông khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 260 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 193).

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 12 công ty con trực tiếp và 4 công ty con gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp) với chi tiết như sau:

					Ngày 30 tháng 6 năm 2024		*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	
STT	*Tên công ty con*	*Pháp lý*	*Địa điểm*	*Hoạt động chính*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
1	Công ty Cổ phần Giải trí Ana (trước đây là "Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1")	GCNĐKDN số 0310275558 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 25 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,00%	99,00%	99,00%	99,00%
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	GCNĐKDN số 0311776620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 5 năm 2012, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	GCNĐKDN số 0102349978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 8 năm 2007, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Công nghệ, bán buôn	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	GCNĐKDN số 0314526114 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 19 tháng 7 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
					Tỷ lệ sở hữu	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
5	Công ty TNHH 1 Production	GCNĐKDN số 0317690271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 21 tháng 2 năm 2023, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
6	Công ty TNHH Yeah1 Up	GCNĐKDN số 0317420589 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2022, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,99%	100,00%	99,99%	100,00%
7	Công ty TNHH 1 Talents	GCNĐKDN số 0318105371 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 10 năm 2023 và các GCNĐKDN điều chỉnh	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
8	Công ty TNHH Adlink Network	GCNĐKDN số 0318106103 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 10 năm 2023	258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
9	Công ty Cổ phần 1Label *(Thuyết minh số 4.3)*	GCNĐKDN số 0318347998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 14 tháng 3 năm 2024 và các GCNĐKDN điều chỉnh	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	51,00%	51,00%	-	-

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
10	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 *(*)*	GCNĐKDN số 0316198596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 3 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%
11	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số *(*)*	GCNĐKDN số 1301092937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp vào ngày 11 tháng 6 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Số 48 Đường Hai Bà Trưng, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
12	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam *(Thuyết minh số 4.1)*	GCNĐKDN số 0109406470 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 5 tháng 11 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 4, tòa nhà Star Tower, lô D32 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Việt Nam.	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	51,00%	51,00%	35,00%	35,00%
13	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ *(Thuyết minh số 4.2)*	GCNĐKDN số 0313491606 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 10 năm 2015, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	-	-	67,00%	67,00%
14	Công ty Cổ phần YAG Entertainment *(Thuyết minh số 4.2)*	GCNĐKDN số 0315171182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 18 tháng 7 năm 2018, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	-	-	95,00%	95,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
					Tỷ lệ sở hữu	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
15	Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam *(Thuyết minh số 4.2)*	GCNĐKDN số 0315852128 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 8 năm 2019, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	-	-	70,00%	70,00%
16	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV *(Thuyết minh số 4.2)*	GCNĐKDN số 0102768915 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 14, Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, Số 1 đường Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	51,00%	51,00%
17	Công ty TNHH STV Production *(Thuyết minh số 4.2)*	GCNĐKDN số 0317800358 do do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 21 tháng 4 năm 2023, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 11, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-	100,00%	100,00%
18	Công ty Cổ phần Gigagoods *(*)*	GCNĐKDN số 0316763583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 22 tháng 3 năm 2021, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ	50,99%	51,00%	50,99%	51,00%
19	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin *(*)*	GCNĐKDN số 0316703552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 2 tháng 2 năm 2021, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	58,99%	59,00%	58,99%	59,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
					Tỷ lệ sở hữu	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
20	Công ty TNHH Yeah1 Publishing *(Thuyết minh số 4.1)*	GCNĐKDN số 0314688330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 19 tháng 10 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	47,94%	94,00%	-	-
21	Netlink Communication Technology Ltd *(Thuyết minh số 4.1)*	Mã số doanh nghiệp số BVI:2093531 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 10 tháng 3 năm 2022	British Virgin Islands	Tư vấn marketing, quảng cáo, gia công phần mềm, dịch vụ tư vấn quản lý, tổ chức sự kiện và nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận	51,00%	100,00%	-	-
22	Công ty TNHH MTV Style TV	GCNĐKDN số 0311730425 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 4 năm 2012, và cácGCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 58, Đường Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 19, Quận Bình Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	51,00%	100,00%

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại các công ty con này *(Thuyết minh số 36.2)*

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Hàng hóa và bản quyền chương trình: chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh; và
- Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình* (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Nhóm Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- Các chương trình truyền hình đang phát sóng;
- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- Chi phí bảo hiểm;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Phí dịch vụ trả trước khác.

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Các khoản đầu tư* (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.18 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.19 *Thông tin bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Các bộ phận chính theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty bao bao gồm hoạt động kinh doanh cung cấp bản quyền nội dung số, dịch vụ giải trí và truyền thông.

3.20 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

4.1 Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink Việt Nam")

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 188/2404/NQ/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 4 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 40.320 cổ phần tương ứng với 16% tỷ lệ sở hữu trong Netlink Việt Nam từ Công ty Cổ phần Tera Ventures với giá trị chuyển nhượng là 47.088.000.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 186-2404-HĐCNCP.Netlink-YEG-Ventures ngày 19 tháng 4 năm 2024 và tại ngày này, Netlink Việt Nam sở hữu hai công ty con là Công ty TNHH Yeah1 Publishing ("Yeah1 Publishing") và Netlink Communication Technology Ltd. ("Netlink Communication"). Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Netlink Việt Nam tăng từ 35% lên 51% và Netlink Việt Nam, Yeah1 Publishing và Netlink Communication trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý tạm tính của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Netlink Việt Nam tại ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	Giá trị hợp lý tạm tính ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	
Tiền	3.756.122.271
Các khoản phải thu	68.986.675.589
Tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.895.072.042
Tài sản khác	2.535.404.994
	84.173.274.896
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	61.238.564.890
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	249.352.355
Phải trả người lao động	65.431.713
Vay	16.952.315.859
	78.505.664.817
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý tạm tính	**5.667.610.079**
Cổ đông không kiểm soát	(3.249.711.581)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh *(Thuyết minh số 17)*	147.927.101.502
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	**150.345.000.000**
Trong đó:	
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 18.1)	*101.856.443.352*
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý tạm tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại thời điểm hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 28.2)	*1.400.556.648*
Giá phí mua thêm 16% tỷ lệ sở hữu	*47.088.000.000*
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền chi để mua công ty con	37.922.400.000
Tiên thu về từ công ty con	3.756.122.271
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	**34.166.277.729**

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)

4.2 *Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty con hiện hữu*

Công ty TNHH STVProduction ("STVPro") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV")

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng lại 100% vốn góp của STVPro cho STV, công ty con của Công ty, với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Hợp đồng Chuyển nhượng Số 80-2403-HĐCN-YEG-STV cùng ngày. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51% kể từ ngày này.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51% tỷ lệ sở hữu trong STV cho đối tác với giá chuyển nhượng là 40.000.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 125-2403-HĐCN-YEG-NNQ và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Theo đó, STV không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này và STVPro cũng không còn là công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 23.201.744.973 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất *(Thuyết minh số 28.2)*.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ ("YES")

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 730.000 cổ phần, tương ứng với 67% cổ phần của YES cho đối tác với giá chuyển nhượng là 10.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 788-2406-HĐCNCP/YEG-NTTV cùng ngày và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong YES giảm từ 67% xuống 0% và YES không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 4.538.845.539 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất *(Thuyết minh số 28.2)*.

Công ty Cổ phần YAG Entertainment ("YAG")

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty và công ty con đã chuyển nhượng 1.748.000 cổ phần, tương ứng với 95% cổ phần của YAG cho các đối tác với giá chuyển nhượng là 95.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 789/2506/HDCNCP/YEG/LAK, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 02-2407-HDCNCP-YAG cùng ngày và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong YAG giảm từ 95% xuống 0% và YAG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 30.937.458.046 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất *(Thuyết minh số 28.2)*.

Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam ("AppNews")

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 1.330.000 cổ phần, tương ứng với 70% cổ phần của AppNews cho đối tác với giá chuyển nhượng là 3.050.000.000 VND theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần Số 790/2406/HDCNCP/YEG/DDB cùng ngày và Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong AppNews giảm từ 70% xuống 0% và AppNews không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 924.709.925 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất *(Thuyết minh số 28.2)*.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)

4.3 *Góp vốn thành lập các công ty con và công ty liên kết*

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 81/2403/NQHĐQT/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2024, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty Cổ phần 1Label ("1Label") và đã nhận được GCNĐKDN số 0318347998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong 1Label là 51%.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 776/2406/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 26 tháng 6 năm 2024, Công ty đã thành lập Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam ("Meta Blossom") với số vốn cam kết góp là 2.000.000.000 VND tương ứng 40% vốn điều lệ của Meta Blossom. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn điều lệ tại Meta Blossom. *(Thuyết minh số 36.2)*

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Tiền mặt	7.236.887	-
Tiền gửi ngân hàng	7.222.475.536	4.261.339.357
Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000
TỔNG CỘNG	**7.229.712.423**	**8.461.339.357**

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất từ 5,85%/năm đến 9%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Google Asia Pacific Pte. Ltd	60.245.675.301	-
Công ty Cổ phần Tera Group	48.131.049.443	52.456.952.000
Công ty Cổ phần Ban Media	23.194.638.193	26.327.695.034
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	13.939.220.078
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV *(*)*	6.770.205.688	22.360.890.688
Công ty TNHH Shopee	6.641.573.399	5.012.424.632
Công ty TNHH Truyền Thông WPP	-	7.395.539.564
Công ty TNHH Truyền thông MMS Việt Nam	-	7.382.202.120
Khác	87.481.643.931	104.683.379.798
TỔNG CỘNG	**246.404.006.033**	**239.558.303.914**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *(Thuyết minh số 11)*	(30.630.657.916)	(26.716.111.468)
GIÁ TRỊ THUẦN	**215.773.348.117**	**212.842.192.446**
Trong đó:		
Các bên khác	*211.753.285.728*	*121.340.076.164*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*34.650.720.305*	*118.218.227.750*

(*) Khoản phải thu này và khoản phải thu về cho vay và phải thu khác được trình bày lần lượt ở *Thuyết minh số 9 và 10* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Số đầu kỳ	26.716.111.468	24.375.838.749
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	5.479.478.787	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(98.805.489)	(2.372.293.204)
Trừ: Thoái vốn công ty con	(1.466.126.850)	-
Số cuối kỳ *(Thuyết minh số 11)*	30.630.657.916	22.003.545.545

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh ("BCA") *(*)*	153.800.000.000	14.500.000.000
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	48.126.704.193	48.126.704.193
Something Big SAS	8.160.450.000	8.160.450.000
Khác	14.040.746.004	10.170.509.010
TỔNG CỘNG	**224.127.900.197**	**80.957.663.203**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 11)*	(18.524.575.342)	(18.449.320.801)
GIÁ TRỊ THUẦN	**205.603.324.855**	**62.508.342.402**
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*154.024.750.000*	*14.524.750.000*
Các bên khác	*70.103.150.197*	*66.432.913.203*

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Số đầu kỳ	18.449.320.801	16.246.796.596
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	75.254.541	-
Số cuối kỳ *(Thuyết minh số 11)*	18.524.575.342	16.246.796.596

(*) Đây là khoản tạm ứng cho BCA theo Hợp đồng Xây dựng số 08/HĐXD-1Studio ngày 22 tháng 11 năm 2023 ("Hợp đồng xây dựng") về việc xây lắp công trình "Nhà ở kết hợp văn phòng" tại địa chỉ 41-49 An Phú, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị hợp đồng là 142.795.425.415 VND và số tiền tạm ứng ban đầu là 34.500.000.000 VND.

Ngoài ra, Nhóm Công ty còn tạm ứng cho BCA với số tiền 104.800.000.000 VND theo Phụ lục Hợp đồng số 04 ngày 3 tháng 4 năm 2024 của Hợp đồng xây dựng để ủy quyền cho BCA tìm kiếm, nhận báo giá phù hợp, đàm phán nội dung hợp đồng chuyển nhượng, đặt cọc và thiết kế khảo sát khu bất động sản khác.

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Ngắn hạn	**327.186.003.049**	**266.334.265.625**
Cho các bên khác vay	314.689.788.402	197.330.431.925
Cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 35)*	12.496.214.647	69.003.833.700
Dài hạn	**45.420.575.396**	**44.329.575.396**
Cho bên khác vay	42.895.575.396	39.429.575.396
Cho các bên liên quan vay *(Thuyết minh số 35)*	2.525.000.000	4.900.000.000
TỔNG CỘNG	**372.606.578.445**	**310.663.841.021**

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND		*%/năm*	
Cho các bên khác vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	114.106.821.919	Ngày 1 tháng 12 năm 2024	8,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	57.545.500.000	Từ ngày 7 tháng 11 năm 2024 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	7 – 11	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Tera Group	46.740.000.000	Từ ngày 29 tháng 9 năm 2024 đến ngày 21 tháng 6 năm 2025	10,5 – 11	Tín chấp
Trần Minh Việt	45.960.311.001	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	20.823.836.000	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2024 đến ngày 13 tháng 12 năm 2024	6 – 8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	9.090.000.000	Từ ngày 16 tháng 8 năm 2024 đến ngày 17 tháng 8 năm 2024	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	5.307.568.421	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2025 đến ngày 17 tháng 6 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	5.134.862.703	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	3.660.000.000	Từ ngày 15 tháng 9 năm 2024 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	8 – 11	Tín chấp
Nhimdo properties LLC	2.768.700.000	Ngày 4 tháng 5 năm 2025	-	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại Sứ Trẻ	1.547.188.358	Ngày 2 tháng 1 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty TNHH Yeah1 Vision	1.360.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	300.000.000	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 đến ngày 13 tháng 5 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Zeroz Creative	300.000.000	Ngày 29 tháng 3 năm 2025 đến ngày 14 tháng 6 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền Thông On+	45.000.000	Ngày 26 tháng 1 năm 2025	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**314.689.788.402**			

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau: (tiếp theo)

Bên vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Cho các bên liên quan vay ngắn hạn *(Thuyết minh số 35)*				
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	5.030.000.000	Từ ngày 6 tháng 4 năm 2025 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Finbase	4.856.000.000	Từ ngày 18 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 5 năm 2025	8 – 10.5	Tín chấp
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	1.960.214.647	Ngày 22 tháng 5 năm 2025	4	Tín chấp
Công ty Cổ phần 1Game	550.000.000	Từ ngày 31 tháng 10 năm 2024 đến ngày 27 tháng 6 năm 2025	8 – 10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Vietnam Music Award	100.000.000	Từ ngày 30 tháng 10 năm 2024	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**12.496.214.647**			
Cho các bên khác vay dài hạn				
Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam	23.708.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2025	8	Tín chấp
Đinh Tấn Danh	8.550.000.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến	4.074.300.000	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2025 đến ngày 17 tháng 3 năm 2026	8	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Phim Đại Sứ Trẻ	1.762.500.000	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến ngày 18 tháng 2 năm 2026	8 – 8,7	Tín chấp
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	1.519.500.000	Từ ngày 28 tháng 6 năm 2026 đến ngày 30 tháng 6 năm 2026	8 – 10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	1.500.000.000	Ngày 3 tháng 8 năm 2025	10,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	1.181.275.396	Từ ngày 29 tháng 7 năm 2025 đến ngày 11 tháng 11 năm 2025	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty TNHH Quảng cáo Truyền thông TNT	300.000.000	Từ ngày 20 tháng 7 năm 2025 đến ngày 17 tháng 8 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	300.000.000	Ngày 3 tháng 10 năm 2026	8	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**42.895.575.396**			
Cho các bên liên quan vay dài hạn *(Thuyết minh số 35)*				
Công ty Cổ phần 1Game	2.525.000.000	Từ ngày 31 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 5 năm 2026	8 – 10,5	Tín chấp

10. PHẢI THU KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Ngắn hạn	**296.919.583.861**	**340.356.202.385**
Tạm ứng nhân viên	111.110.157.878	230.004.766.104
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh:	70.725.963.908	48.078.801.570
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (i)	*26.163.157.895*	*-*
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn (ii)	*19.600.000.000*	*19.600.000.000*
Công ty TNHH STV Production (iii)	*9.679.042.569*	*-*
Travellet Tech Limited (iv)	*8.120.000.000*	*8.120.000.000*
Phải thu đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (v)	*7.163.763.444*	*4.380.844.035*
Công ty Cổ phần Unicorn Venture	*-*	*9.993.750.000*
Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures	*-*	*3.600.000.000*
Công ty Cổ phần MBC Studio	*-*	*1.253.462.535*
Công ty Cổ phần Mnet	*-*	*1.130.745.000*
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Giải trí TKK *(x)*	38.658.000.000	-
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp	13.145.000.000	-
Nguyễn Ngọc Quỳnh (vi)	*10.000.000.000*	-
Các cá nhân khác	*3.145.000.000*	-
Tạm ứng để nhận chuyển nhượng cổ phần *(vii)*	30.000.000.000	30.000.000.000
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	21.174.317.543	19.750.861.017
Phải thu cổ tức *(viii)*	7.213.579.158	7.213.579.158
Đặt cọc	1.939.609.850	1.701.978.525
Khác	2.952.955.524	3.606.216.011
Dài hạn	**329.615.408.100**	**345.139.910.099**
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Unicorn Venture *(ix)*	199.875.000.000	199.875.000.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Giải trí TKK *(x)*	100.000.000.000	138.658.000.000
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp *(vi)*	24.000.000.000	-
Đặt cọc	5.740.408.100	6.606.910.099
TỔNG CỘNG	**626.534.991.961**	**685.496.112.484**
Dự phòng phải thu khác khó đòi *(Thuyết minh số 11)*	(35.578.753.415)	(36.645.581.283)
GIÁ TRỊ THUẦN	**590.956.238.546**	**648.850.531.201**
Trong đó:		
Các bên khác	*624.757.206.761*	*676.873.334.253*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*1.777.785.200*	*8.622.778.231*

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khác :

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Số đầu kỳ	36.645.581.283	39.324.809.713
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	5.493.770.399	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(131.000)	(961.800.000)
Trừ: Thoái vốn công ty con	(6.560.467.267)	-
Số cuối kỳ *(Thuyết minh số 11)*	35.578.753.415	38.363.009.713

(i) Theo biên bản đối trừ công nợ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Nhóm Công ty, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cab Việt Nam ("VTVcab") và Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV"), VTVcab thực hiện bù trừ nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh được nêu trong *Mục (v)* với số tiền là 26.163.157.895 VND với số dư công nợ của STV. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ STV. Khoản phải thu này và khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu về cho vay khác được trình bày lần lượt ở *Thuyết minh số 8 và 9* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

(ii) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Nhóm Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 VND, trong đó, Nhóm Công ty đóng góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 VND và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 VND.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 2.100.000.000 VND.

(iii) Theo Hợp đồng Ủy quyền số 539-2309-HĐNT-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 7 năm 2023 và Hợp đồng số 66-2402-HĐTH-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 12 năm 2023 giữa Nhóm Công ty và STVPro, Nhóm Công ty ủy quyền cho STVPro sản xuất và thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại cho các Dự án như được nêu ở *Mục (v)*. Đây là khoản phải thu STVPro từ thu chi hộ cho các Dự án theo các Biên bản Bù trừ Công nợ.

(iv) Đây là Hợp đồng Hợp tác Trò chơi trực tuyến ngày 1 tháng 11 năm 2019 với Travellet Tech Limited về giấy phép liên quan đến trò chơi trực tuyến. Ban Tổng Giám đốc đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu từ hợp tác kinh doanh này.

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(v) Vào ngày 16 tháng 6 năm 2023, Nhóm Công ty đã ký Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1" ("Dự án") với VTVcab. Theo đó, giá trị vốn góp của Dự án là 63.000.000.000 VND và tỷ lệ góp vốn và tỷ lệ phân chia doanh thu, chi phí Dự án của Nhóm Công ty và VTVcab là 50:50. Nhóm Công ty chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho hoạt động kinh doanh của Dự án. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với VTVCab để tập hợp và nghiệm thu toàn bộ doanh thu, chi phí của Dự án.

(vi) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Truyền thông STV *(Thuyết minh số 4.2)*, đến hạn thanh toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2026.

(vii) Đây là khoản tạm ứng cho Ông Võ Thái Phong để mua 3.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Việt Nam Trực tuyến ("VNO") tương đương với 60% tỷ lệ sở hữu trong VNO theo Biên bản Ghi nhớ ngày 22 tháng 10 năm 2020, Phụ lục 1 ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Phụ lục 2 ngày 15 tháng 12 năm 2023 gia hạn việc chuyển nhượng đến ngày 30 tháng 9 năm 2024.

(viii) Theo Nghị quyết phê duyệt bởi Giám đốc của Netlink Online Corporation, một công ty được thành lập ở Singapore, Nhóm Công ty nhận được khoản chia cổ tức là 9.565.680.000 VND; được thanh toán trong vòng 24 tháng kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2021 và được gia hạn đến ngày 1 tháng 11 năm 2025.

(ix) Theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 199.875.000.000 VND. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân.

(x) Theo Hợp đồng Hợp tác số 0906/2022/HĐHT/GG/BIGCAT ngày 3 tháng 6 năm 2022, Nhóm Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Giải Trí TKK (trước đây là Công ty Cổ phần Giải trí Truyền thông Big Cat) để đầu tư dự án sản xuất phim, bao gồm việc tổ chức đội ngũ sản xuất phim, ý tưởng, phim trường. Nhóm Công ty đã góp vốn đủ với số tiền là 147.318.000.000 VND. Theo Phụ lục 2 ngày 28 tháng 6 năm 2024, tổng giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh giảm còn 100.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Giải Trí TKK sẽ hoàn trả cho Nhóm Công ty số tiền là 38.658.000.000 VND trước ngày 31 tháng 12 năm 2024.

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024			*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*		
	Giá trị	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**39.663.048.042**	**9.032.390.126**	**(30.630.657.916)**	**34.152.349.427**	**7.436.237.959**	**(26.716.111.468)**
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	4.181.766.023	(9.757.454.055)	13.939.220.078	4.181.766.024	(9.757.454.054)
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	6.731.991.724	-	(6.731.991.724)	6.731.991.724	-	(6.731.991.724)
Yeah1 Network Pte Ltd	5.080.920.081	999.876.024	(4.081.044.057)	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Bảo Ninh	3.015.057.729	-	(3.015.057.729)	3.015.057.729	-	(3.015.057.729)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	1.245.035.000	(1.245.035.000)	2.490.070.000	1.743.049.000	(747.021.000)
Công ty TNHH Lioz Việt Nam	1.112.886.123	-	(1.112.886.123)	1.112.886.123	-	(1.112.886.123)
Khác	7.292.902.307	2.605.713.079	(4.687.189.228)	6.863.123.773	1.511.422.935	(5.351.700.838)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**59.997.870.077**	**41.473.294.735**	**(18.524.575.342)**	**59.987.391.076**	**41.538.070.275**	**(18.449.320.801)**
Something Big SAS	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)
Công ty TNHH Phân phối Nước Giải khát Quốc tế	48.126.704.193	40.625.760.223	(7.500.943.970)	48.126.704.193	40.625.760.223	(7.500.943.970)
Công ty Cổ phần Truyền thông Giải trí Đa Phương tiện VINACJ	1.067.991.758	-	(1.067.991.758)	1.067.991.758	-	(1.067.991.758)
Khác	2.642.724.126	847.534.512	(1.795.189.614)	2.632.245.125	912.310.052	(1.719.935.073)
Phải thu ngắn hạn khác	**42.474.174.245**	**6.895.420.830**	**(35.578.753.415)**	**38.047.671.390**	**1.402.090.107**	**(36.645.581.283)**
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Travellet Tech Vietnam Limited	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)	8.120.000.000	-	(8.120.000.000)
Netlink Online Corporation	7.065.680.000	2.119.704.000	(4.945.976.000)	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển UP	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Khác	6.688.494.245	4.775.716.830	(1.912.777.415)	9.327.671.390	1.402.090.107	(7.925.581.283)
TỔNG CỘNG	**142.135.092.364**	**57.401.105.691**	**(84.733.986.673)**	**132.187.411.893**	**50.376.398.341**	**(81.811.013.552)**

12. HÀNG TỒN KHO

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Hàng hóa	35.002.011.472	35.698.707.333
Chương trình đang sản xuất dở dang	25.900.077.015	20.000.953.739
Dự án quảng cáo đang sản xuất dở dang	11.021.437.997	8.024.666.307
TỔNG CỘNG	**71.923.526.484**	**63.724.327.379**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(34.408.105.674)	(34.555.718.986)
GIÁ TRỊ THUẦN	**37.515.420.810**	**29.168.608.393**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Số đầu kỳ	34.555.718.986	59.956.019.873
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(147.613.312)	(25.364.368.711)
Số cuối kỳ	34.408.105.674	34.591.651.162

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Ngắn hạn	**1.850.106.993**	**50.416.954.766**
Công cụ, dụng cụ	1.341.260.465	608.505.819
Chương trình	-	48.828.389.284
Khác	508.846.528	980.059.663
Dài hạn	**3.972.741.106**	**1.484.504.008**
Công cụ, dụng cụ	3.003.948.652	669.341.309
Bản quyền âm nhạc	217.494.168	-
Chi phí cải tạo văn phòng	-	411.547.424
Khác	751.298.286	403.615.275
TỔNG CỘNG	**5.822.848.099**	**51.901.458.774**

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.723.883.210	9.394.605.283	2.536.668.774	783.648.543	14.438.805.810
Mua mới	-	208.390.908	-	1.418.134.159	1.626.525.067
Giảm do thanh lý công ty con	(1.723.883.210)	(8.077.102.850)	(934.577.865)	(584.544.908)	(11.320.108.833)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	1.525.893.341	1.602.090.909	1.617.237.794	4.745.222.044
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	*437.460.214*	*1.211.636.363*	*199.103.635*	*1.848.200.212*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(1.723.883.210)	(9.106.375.066)	(1.621.111.333)	(663.398.672)	(13.114.768.281)
Khấu hao trong kỳ	-	(120.061.224)	(82.805.592)	(48.750.190)	(251.617.006)
Giảm do thanh lý công ty con	1.723.883.210	7.863.039.134	507.244.433	512.364.594	10.606.531.371
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	(1.363.397.156)	(1.196.672.492)	(199.784.268)	(2.759.853.916)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	288.230.217	915.557.441	120.249.871	1.324.037.529
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	162.496.185	405.418.417	1.417.453.526	1.985.368.128

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Chương trình phim ngắn (*)	*Phần mềm máy tính*	*Nhãn hiệu, tên thương mại*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	82.828.580.077	16.164.958.910	3.185.964.630	102.179.503.617
Mua mới	26.909.592.978	41.867.000	-	26.951.459.978
Tăng do hợp nhất công ty con	-	4.213.800.000	4.196.057.675	8.409.857.675
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(1.154.515.000)	-	(1.154.515.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	109.738.173.055	19.266.110.910	7.382.022.305	136.386.306.270
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	*156.487.000*	-	*156.487.000*
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(6.356.744.916)	(9.600.796.611)	(1.240.683.531)	(17.198.225.058)
Hao mòn trong kỳ	(10.461.163.805)	(1.728.098.779)	(273.938.922)	(12.463.201.506)
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	(1.582.309.884)	(1.582.309.884)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	578.886.357	-	578.886.357
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(16.817.908.721)	(10.750.009.033)	(3.096.932.337)	(30.664.850.091)
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	76.471.835.161	6.564.162.299	1.945.281.099	84.981.278.559
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	92.920.264.334	8.516.101.877	4.285.089.968	105.721.456.179

(*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Nhóm Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	9.545.454.545	9.545.454.545
Dự án xây dựng phim trường	3.952.473.064	3.821.563.973
Dự án triển khai phần mềm chăm sóc khách hàng	2.419.408.787	-
TỔNG CỘNG	**15.917.336.396**	**13.367.018.518**

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	STV	*Netlink Việt Nam*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	38.216.838.797	-	38.216.838.797
Tăng do hợp nhất công ty con	-	147.927.101.502	147.927.101.502
Giảm do thoái vốn công ty con	(38.216.838.797)	-	(38.216.838.797)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	147.927.101.502	147.927.101.502
Giá trị phân bổ lũy kế:			
Số đầu năm	(7.389.204.760)	-	(7.389.204.760)
Phân bổ trong năm	(906.695.118)	(3.698.177.539)	(4.604.872.657)
Giảm do thoái vốn công ty con	8.295.899.878	-	8.295.899.878
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	(3.698.177.539)	(3.698.177.539)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	30.827.634.037	-	30.827.634.037
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	-	144.228.923.963	144.228.923.963

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh 18.1)*	244.123.957.468	348.572.994.312
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *(Thuyết minh 18.2)*	45.052.910.277	46.002.910.277
TỔNG CỘNG	**289.176.867.745**	**394.575.904.589**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(11.167.364.491)	(11.167.364.491)
GIÁ TRỊ THUẦN	**278.009.503.254**	**383.408.540.098**

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 *Đầu tư vào công ty liên kết*

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết trực tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2 công ty liên kết trực tiếp):

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	*Quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Quyền biểu quyết (%)*
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Quảng cáo, sản xuất chương trình	39,50	39,55	39,50	39,55
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam *(Thuyết minh số 4.1)*	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	-	-	35,00	35,00

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có các công ty con sở hữu 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2023: các công ty con sở hữu 5 công ty liên kết):

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	*Quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Quyền biểu quyết (%)*
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
Công ty Cổ phần Zmedia	Dịch vụ quảng cáo	24,99	25,00	24,99	25,00
Công ty Cổ phần Eco Consumer *(*)*	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-	13,40	20,00
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	-	-	17,96	35,21

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn thêm vốn điều lệ tại công ty này *(Thuyết minh số 36.2)*

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 *Đầu tư vào công ty liên kết* (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

VND

Tên công ty	*Giá trị đầu tư vào*			*Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết*				*Giá trị còn lại*	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	*Tăng (giảm) giá trị đầu tư*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Phần lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết*	*Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	145.511.720.000	-	145.511.720.000	(2.649.926.936)	(1.183.274.968)	-	(3.833.201.904)	142.861.793.064	141.678.518.096
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam *(Thuyết minh số 4.1)*	103.005.000.000	(103.005.000.000)	-	(656.029.706)	(744.526.942)	1.400.556.648	-	102.348.970.294	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	92.376.900.000	-	92.376.900.000	(3.023.130.120)	(434.445.376)	-	(3.457.575.496)	89.353.769.880	88.919.324.504
Công ty Cổ phần Zmedia	12.500.000.000	-	12.500.000.000	1.383.969.991	(377.855.123)	-	1.006.114.868	13.883.969.991	13.506.114.868
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	158.155.805	(158.155.805)	-	(33.664.722)	-	33.664.722	-	124.491.083	-
Công ty Cổ phần 1Social	-	20.000.000	20.000.000	-	-	-	-	-	20.000.000
TỔNG CỘNG	**353.551.775.805**	**(103.143.155.805)**	**250.408.620.000**	**(4.978.781.493)**	**(2.740.102.409)**	**1.434.221.370**	**(6.284.662.532)**	**348.572.994.312**	**244.123.957.468**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*		
		Giá trị đầu tư (VND)	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*	*Giá trị đầu tư (VND)*	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	21.253.734.206	-	30,00	21.253.734.206	-	30,00
Công ty Cổ phần 1Game (trước đây là "Công ty Cổ phần Yean1 Gaming")	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Dịch vụ giải pháp số	6.083.551.071	-	35,00	6.083.551.071	-	35,00
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
Công ty Cổ phần Gamify	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
Công ty Cổ phần Shopiness	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
Công ty Cổ phần Tera Group	Lập trình máy tính	-	-	-	950.000.000	-	19,00
TỔNG CỘNG		**45.052.910.277**	**(11.167.364.491)**		**46.002.910.277**	**(11.167.364.491)**	

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Công ty Cổ phần ZHoldings	53.422.546.042	-
Công ty TNHH STVProduction	45.112.400.002	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Number One	16.515.984.079	16.515.984.079
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	7.092.520.047	36.237.031.394
Khác	34.553.328.705	45.400.087.232
TỔNG CỘNG	**156.696.778.875**	**98.153.102.705**
Trong đó:		
Các bên khác	*148.408.957.097*	*89.696.946.327*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*8.287.821.778*	*8.456.156.378*

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	*Tăng trong kỳ*	*Tăng do hợp nhất công ty con*	*Giảm trong kỳ*	*Giảm do thoái vốn công ty con*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Phải nộp						
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	14.427.238.053	434.455.909	300.133.080	(151.736.409)	(392.512.064)	14.617.578.569
Thuế thu nhập cá nhân (*)	5.121.405.998	7.221.775.409	166.667.128	(2.619.350.791)	(2.056.454.841)	7.834.042.903
Thuế giá trị gia tăng (*)	3.837.244.586	15.918.320.676	4.009.487	(15.269.461.275)	(373.197.535)	4.116.915.939
Thuế nhà thầu	3.067.560.803	1.990.951.231	-	(346.636.140)	(153.689.628)	4.558.186.266
Khác	5.876.732.290	325.305.581	-	(1.556.775)	(196.004.884)	6.004.476.212
TỔNG CỘNG	**32.330.181.730**	**25.890.808.806**	**470.809.695**	**(18.388.741.390)**	**(3.171.858.952)**	**37.131.199.889**
Phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	13.954.750.488	12.931.512.290	1.245.247.988	(14.072.918.702)	(2.882.692.421)	11.175.899.643
Khác	12.624.784	88.559.140	-	(98.449.729)	(181.670)	2.552.525
TỔNG CỘNG	**13.967.375.272**	**13.020.071.430**	**1.245.247.988**	**(14.171.368.431)**	**(2.882.874.091)**	**11.178.452.168**

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đang ghi nhận khoản thuế, phí phải nộp quá hạn ở các công ty con với số tiền là 26.295.062.685 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15.075.022.780 VND).

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	13.785.540.280	10.379.620.700
Chi phí lãi chậm nộp thuế	6.523.927.415	5.298.545.646
Chi phí lãi vay	5.212.642.288	5.373.836.077
Lương tháng 13	230.000.776	2.030.064.776
Khác	6.840.974.566	4.366.607.998
TỔNG CỘNG	**32.593.085.325**	**27.448.675.197**
Trong đó		
Các bên khác	*30.390.784.743*	*25.392.030.349*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*2.202.300.582*	*2.056.644.848*

22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 35)*	16.491.855.947	24.754.058.544
Các bên khác	8.730.850.211	4.401.307.337
TỔNG CỘNG	**25.222.706.158**	**29.155.365.881**

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh *(*)*	31.500.000.000	31.500.000.000
Phải trả do nhận chuyển nhượng cổ phần	22.857.600.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp *(**)*	4.854.989.218	3.175.245.581
Chi phí lãi vay	3.672.204.656	595.359.039
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.147.650.000	2.147.650.000
Khác	3.965.718.392	7.657.570.639
TỔNG CỘNG	**68.998.162.266**	**45.075.825.259**
Trong đó:		
Các bên khác	*53.263.319.786*	*42.498.844.217*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*15.734.842.480*	*2.576.981.042*

(*) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTVCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1". *(Thuyết minh số 10)*

(**) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty đang khi nhận khoản bảo hiểm xã hội, bản hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp quá hạn thanh toán với số tiền là 1.732.432.638 VND.

24. VAY

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	*Vay trong kỳ*	*Trả nợ vay trong kỳ*	*Phân loại lại*	*Tăng do hợp nhất công ty con*	*(Giảm) tăng do thoái vốn công ty con*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Ngắn hạn	**171.352.690.912**	**188.953.105.320**	**(90.490.249.421)**	**14.345.096.884**	**15.496.209.605**	**(96.982.002.358)**	**202.674.850.942**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 24.1)*	87.541.957.821	106.871.105.320	(57.509.759.737)	-	15.496.209.605	(67.997.002.358)	84.402.510.651
Vay cá nhân *(Thuyết minh số 24.2)*	27.859.909.091	57.772.000.000	(13.546.000.000)	-	-	(24.985.000.000)	47.100.909.091
Vay các tổ chức khác *(Thuyết minh số 24.3)*	34.200.824.000	4.930.000.000	(5.720.824.000)	-	-	-	33.410.000.000
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 24.4 và 35)*	11.750.000.000	19.380.000.000	(7.892.808.874)	514.432.856	-	(4.000.000.000)	19.751.623.982
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 24.1)*	10.000.000.000	-	(5.820.856.810)	13.830.664.028	-	-	18.009.807.218
Dài hạn	**39.014.432.856**	**11.866.278.463**	**-**	**(14.345.096.884)**	**-**	**919.268.183**	**37.454.882.618**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 24.1)*	37.500.000.000	9.850.278.463	-	(13.830.664.028)	-	-	33.519.614.435
Vay cá nhân *(Thuyết minh số 24.2)*	-	2.016.000.000	-	-	-	-	2.016.000.000
Vay các tổ chức khác *(Thuyết minh số 24.3)*	-	-	-	-	-	1.919.268.183	1.919.268.183
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 35)*	1.514.432.856	-	-	(514.432.856)	-	(1.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**210.367.123.768**	**200.819.383.783**	**(90.490.249.421)**	**-**	**15.496.209.605**	**(96.062.734.175)**	**240.129.733.560**

24. VAY (tiếp theo)

24.1 *Vay ngân hàng*

Nhóm Công ty vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định				
Khoản vay 1	29.994.118.006	Từ ngày 2 tháng 6 năm 2025 đến ngày 24 tháng 6 năm 2025	8,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 2	19.739.971.071	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2024 đến ngày 25 tháng 12 năm 2024	8,2	Tín chấp
Khoản vay 3	19.179.892.555	Từ ngày 13 tháng 12 năm 2024 đến ngày 28 tháng 2 năm 2025	8,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 4	13.712.281.371	Ngày 28 tháng 2 năm 2025	9,5	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố HCM				
Khoản vay 1	1.776.247.648	Từ ngày 31 tháng 8 năm 2024 đến ngày 28 tháng 9 năm 2024	8,9 – 9,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**84.402.510.651**			

24. VAY (tiếp theo)

24.1 *Vay ngân hàng* (tiếp theo)

Nhóm Công ty vay khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định vô hình là các chương trình phim ngắn độc quyền phục vụ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất %/năm*	*Thế chấp*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Định				
Khoản vay 1	42.500.000.000	Từ ngày 15 tháng 8 năm 2024 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	- 11%/năm tính đến ngày 14 tháng 8 năm 2024 - Sau ngày 14 tháng 8 năm 2024 là lãi suất thả nổi	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 2	9.029.421.653	Từ ngày 25 tháng 9 năm 2024 đến ngày 25 tháng 6 năm 2027	8	
	51.529.421.653			
Trong đó				
Vay dài hạn	*33.519.614.435*			
Vay dài hạn đến hạn trả	*18.009.807.218*			

24. VAY (tiếp theo)

24.2 *Vay cá nhân*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024* *VND*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất* *%/năm*
Vay cá nhân ngắn hạn			
Vũ Thị Tuyết Vân	39.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 19 tháng 6 năm 2025	8 – 10,5
Nguyễn Thị Khánh Hòa	6.455.000.000	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2025 đến ngày 28 tháng 6 năm 2025	10,5
Trần Thanh Tân	1.117.909.091	Ngày 20 tháng 4 năm 2025	8
Trần Minh Việt	528.000.000	Ngày 6 tháng 4 năm 2025	6
TỔNG CỘNG	**47.100.909.091**		
Vay cá nhân dài hạn			
Nguyễn Thị Khánh Hòa	2.016.000.000	Ngày 26 tháng 3 năm 2028	8

24.3 *Vay các tổ chức khác*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024* *VND*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất* *%/năm*
Vay ngắn hạn các tổ chức khác			
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	30.000.000.000	Theo yêu cầu	-
Công ty Cổ phần Ban Media	1.770.000.000	Từ ngày 14 tháng 3 năm 2025 đến ngày 14 tháng 6 năm 2025	10,5
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Giải pháp Đổi mới ICC VN	1.640.000.000	Ngày 24 tháng 9 năm 2024	10,5
TỔNG CỘNG	**33.410.000.000**		
Vay dài hạn các tổ chức khác			
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	1.919.268.183	Ngày 21 tháng 10 năm 2025	8

24. VAY (tiếp theo)

24.4 *Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 35)*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024* *VND*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất* *%/năm*
Vay ngắn hạn các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	15.211.623.982	Ngày 27 tháng 12 năm 2024 đến ngày 14 tháng 6 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Việt Nam Music Award	2.040.000.000	Từ ngày 30 tháng 3 năm 2025 đến ngày 29 tháng 5 năm 2025	10,5
Nguyễn Thị Thu Hương	1.600.000.000	Ngày 13 tháng 6 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Tingting Network (trước đây là "Công ty TNHH Phát triển Tài năng và Cộng đồng")	700.000.000	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 5 năm 2025	10,5
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	200.000.000	Ngày 4 tháng 6 năm 2025	10,5
TỔNG CỘNG	**19.751.623.982**		

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	312.799.680.000	550.873.478.254	30.555.633.680	894.228.791.934
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	9.969.594.703	9.969.594.703
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	312.799.680.000	550.873.478.254	40.525.228.383	904.198.386.637
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.313.532.640.000	140.518.254	57.414.341.843	1.371.087.500.097
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	29.135.069.765	29.135.069.765
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.313.532.640.000	140.518.254	86.549.411.608	1.400.222.569.862

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Vào ngày 1 tháng 1 và ngày 30 tháng 6	1.313.532.640.000	312.799.680.000

25.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Cổ phiếu đăng ký	**131.353.264**	**131.353.264**
Cổ phiếu đã phát hành	**131.353.264**	**131.353.264**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*131.353.264*
Cổ phiếu đang lưu hành	**131.353.264**	**131.353.264**
Cổ phiếu phổ thông	*131.353.264*	*131.353.264*

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Nhóm Công ty được quyền hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (trình bày lại)*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	29.135.069.765	9.969.594.703
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành *(cổ phiếu)*	131.353.264	31.279.968
Điều chỉnh cho số cổ phiếu phổ thông phát hành không thu tiền *(cổ phiếu) (*)*	5.648.190	28.232.327
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sử dụng để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm *(cổ phiếu)*	137.001.454	59.512.295
Lãi cơ bản và lãi suy giảm *(VND/cổ phiếu)*	213	168

(*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn này để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ 1.000:722 trong năm 2023 và việc phát hành 5.648.190 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2024 *(Thuyết minh số 38)*.

27. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Số đầu kỳ	12.211.638.962	12.551.387.798
Tăng do hợp nhất và thành lập công ty con	4.229.711.581	-
Giảm do chuyển nhượng công ty con	(7.920.739.495)	-
Lỗ trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(7.680.618.504)	(829.807.421)
Số cuối kỳ	839.992.544	11.721.580.377

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Tổng doanh thu	**284.036.464.970**	**143.294.334.475**
Trong đó:		
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	*239.132.465.885*	*107.334.741.836*
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	*26.254.690.996*	*15.031.828.794*
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	*17.981.419.489*	*20.609.126.926*
Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác	*667.888.600*	*318.636.919*
Các khoản giảm trừ doanh thu	**-**	**(1.337.689.458)**
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	*-*	*(1.337.689.458)*
DOANH THU THUẦN	**284.036.464.970**	**141.956.645.017**
Trong đó:		
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	*239.132.465.885*	*105.997.052.378*
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	*26.254.690.996*	*15.031.828.794*
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	*17.981.419.489*	*20.609.126.926*
Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác	*667.888.600*	*318.636.919*
Trong đó:		
Các bên khác	*238.552.671.039*	*120.393.774.560*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*45.483.793.931*	*22.900.559.915*

28. DOANH THU (tiếp theo)

28.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Lãi do thanh lý khoản đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh số 4.2)*	59.703.630.545	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.891.569.146	11.051.290.384
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.995.874.932	-
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại thời điểm hợp nhất kinh doanh *(Thuyết minh số 4.1)*	1.400.556.648	
Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	-	9.993.750.000
Khác	-	9.814.860
TỔNG CỘNG	**76.991.631.271**	**21.054.855.244**
Trong đó:		
Các bên khác	*75.462.983.690*	*19.102.719.872*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*1.528.647.581*	*1.952.135.372*

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Giá vốn quảng cáo và tư vấn truyền thông	231.155.565.812	89.562.825.139
Giá vốn dịch vụ và thương mại truyền thông	12.460.316.018	19.406.567.750
Chi phí cung cấp bản quyền nội dung số	5.959.502.255	23.448.542.536
Giá vốn về bán lẻ và bán hàng khác	2.957.453.621	399.686.815
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho *(Thuyết minh số 12)*	(147.613.312)	(25.364.368.711)
TỔNG CỘNG	**252.385.224.394**	**107.453.253.529**

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Chi phí lãi vay	8.306.578.721	10.048.072.400
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.444.065.891	-
Khác	6.248.292	181.078.022
TỔNG CỘNG	**10.756.892.904**	**10.229.150.422**
Trong đó		
Các bên khác	*9.948.724.923*	*10.054.918.037*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*808.167.981*	*174.232.385*

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Chi phí bán hàng	**9.552.339.701**	**8.209.283.230**
Chi phí nhân viên	7.277.614.255	4.660.617.087
Chi phí dịch vụ mua ngoài	367.637.285	3.013.649.422
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.480.174	-
Chi phí khác	1.903.607.987	535.016.721
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**57.928.647.472**	**26.828.981.190**
Chi phí nhân viên	20.963.461.599	16.991.684.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.970.821.415	6.505.467.815
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	10.949.567.238	(3.334.093.204)
Phân bổ lợi thế thương mại	4.604.872.657	3.735.841.940
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.814.405.984	1.459.009.387
Chi phí khác	7.625.518.579	1.471.071.050
TỔNG CỘNG	**67.480.987.173**	**35.038.264.420**

32. CHI PHÍ KHÁC

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Tiền phạt thuế	1.225.381.769	4.526.264.010
Khác	968.274.579	719.280.183
TỔNG CỘNG	**2.193.656.348**	**5.245.544.193**

33. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	265.734.726.289	129.426.187.565
Chi phí nhân viên	41.025.411.655	33.060.601.261
Chi phí khấu hao *(Thuyết minh số 14 và 15)*	12.714.818.512	2.025.261.445
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	10.949.567.238	(3.334.093.205)
Phân bổ lợi thế thương mại *(Thuyết minh số 17)*	4.604.872.657	3.735.841.940
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(147.613.312)	(25.364.368.711)
Khác	2.776.218.460	2.942.087.654
TỔNG CỘNG	**337.658.001.499**	**142.491.517.949**

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	434.455.909	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(3.929.753.635)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	434.455.909	(3.929.753.635)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	3.624.665.475	-
TỔNG CỘNG	**4.059.121.384**	**(3.929.753.635)**

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**25.513.572.645**	**5.210.033.647**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	5.102.714.529	1.042.006.729
Các điều chỉnh:		
Lỗ thuế chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.237.388.433	2.561.384.445
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.546.510.732	1.023.600.918
Phân bổ lợi thế thương mại	920.974.531	747.168.388
Lỗ trong công ty liên kết	548.020.482	63.090.810
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	24.367.826	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	-	(3.929.753.635)
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết	(280.111.330)	
Lỗ thuế từ năm trước chuyển sang	(2.354.811.789)	(5.437.251.290)
Lãi từ thanh lý công ty con	(7.685.932.030)	-
Chi phí thuế TNDN	**4.059.121.384**	**(3.929.753.635)**

34.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ*	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	(3.842.174.603)	(7.895.844.762)	4.053.670.159	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Dự phòng đầu tư vào công ty con	29.031.819.259	29.460.823.943	(429.004.684)	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			**3.624.665.475**	-

34.4 *Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước*

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 647.635.811.616 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 699.764.989.350 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Sử dụng*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024*
2020	2025	383.107.399.146	(53.809.804.499)	329.297.594.647
2021	2026	265.637.151.364	(3.202.920.170)	262.434.231.194
2022	2027	26.533.593.746	(6.973.019.211)	19.560.574.535
2023	2028	20.156.469.072	-	20.156.469.072
2024	2029	16.186.942.168	-	16.186.942.168
TỔNG CỘNG		**711.621.555.496**	**(63.985.743.880)**	**647.635.811.616**

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết (đến ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Zmedia	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Nam Giải trí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần 1Social	Công ty liên kết
Công ty TNHH Meta Blossom	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu	Công ty liên kết (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết (đến ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty TNHH Big Cat	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Tingting Network	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần 1Game	Đầu tư khác
Công ty TNHH Tera Group	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Finbase	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT – Thành viên độc lập
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2023)
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Cá nhân liên quan đến nhân sự chủ chốt

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	34.519.709.573	-
	Vay	15.080.000.000	400.000.000
	Cho vay	1.800.000.000	17.050.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.725.000.000	12.314.234.577
	Mua dịch vụ	702.644.920	5.195.101.255
	Lãi vay	648.504.544	76.259.782
	Lãi cho vay	185.110.684	371.832.271
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	-	6.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	3.228.325.338
	Cho vay	-	2.328.800.000
	Lãi cho vay	-	46.603.398
	Mua dịch vụ	-	4.400.000
	Lãi vay	-	657.534
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	17.560.000.000	7.154.000.000
	Mua dịch vụ	4.333.333.334	-
	Cung cấp bản quyền nội dung số	2.216.523.810	-
	Lãi cho vay	988.325.015	139.333.562
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Vay	1.300.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	21.046.577	6.163.000.000
	Cho vay	-	1.250.000.000
	Lãi cho vay	20.288.167	990.164.282
	Lãi vay	11.065.902	17.972.603
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	6.138.502.248	-
	Mua dịch vụ	987.600.000	1.291.070.000
	Cho vay	50.000.000	-
	Lãi cho vay	43.151	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.100.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	416.666.667	-
	Mua dịch vụ	198.375.000	-
	Lãi vay	43.012.602	-
	Lãi cho vay	2.617.809	-
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	1.525.000.000	450.000.000
	Lãi cho vay	117.321.908	5.490.411
	Cung cấp dịch vụ	102.000.000	-
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp bản quyền nội dung số	344.345.056	-

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Công ty TNHH Tingting Network	Vay	400.000.000	-
	Lãi vay	25.804.111	-
Công ty Cổ phần Finbase	Cho vay	570.000.000	7.010.000.000
	Lãi cho vay	214.940.847	368.958.024
	Cung cấp dịch vụ	-	1.195.000.000
	Chi hộ	-	53.378.600
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh	Tạm ứng mua dịch vụ	153.800.000.000	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Lãi vay	79.780.822	79.342.466
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	86.000.000	-
	Thu hồi tạm ứng	40.000.000	-
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	236.111.639	72.654.974
	Thu hồi tạm ứng	126.348.251	40.593.474
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	208.046.838	65.371.655
	Thu hồi tạm ứng	52.927.888	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.600.000.000	-
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	5.327.908.126	10.560.836.604
	Tạm ứng	-	10.475.412.928
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	-	29.753.424

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	21.621.705.073	547.505.377
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Cung cấp dịch vụ	6.731.991.724	6.731.991.724
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	4.358.340.000	-
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp bản quyền nội dung số	766.119.710	387.340.150
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Cung cấp dịch vụ	643.697.131	643.697.131
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Cung cấp dịch vụ	416.666.667	-
Công ty Cổ phần 1Game	Cung cấp dịch vụ	112.200.000	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cung cấp dịch vụ	-	999.999.958
Công ty Cổ phần Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	87.902.530.164
Công ty Cổ phần Phức hợp Truyền thông T.H	Cung cấp dịch vụ	-	11.770.573.444
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cung cấp dịch vụ	-	8.080.206.311
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	-	1.154.383.491
		34.650.720.305	**118.218.227.750**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh	Mua dịch vụ	153.800.000.000	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	224.750.000	24.750.000
		154.024.750.000	**14.524.750.000**

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	5.030.000.000	-
Công ty Cổ phần Finbase	Cho vay	4.856.000.000	4.286.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Cho vay	1.960.214.647	-
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	550.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Cho vay	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	-	35.736.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	-	14.859.000.000
Công ty Cổ phần Phức hợp Truyền thông T.H	Cho vay	-	14.122.833.700
		12.496.214.647	**69.003.833.700**
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Finbase	Lãi cho vay	583.898.871	368.958.024
	Chi hộ	53.378.600	53.378.600
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Lãi cho vay	409.745.333	213.178.763
Công ty Cổ phần 1Game	Lãi cho vay	155.134.098	33.410.819
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	155.118.950	-
Công ty Cổ phần Zmedia	Lãi cho vay	147.899.158	147.899.158
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	109.760.378	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Lãi cho vay	101.654.246	-
Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	52.522.276	6.522.276
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Lãi cho vay	7.019.180	-
Công ty TNHH Big Cat	Lãi cho vay	1.654.110	1.610.959
Ông Đào Phúc Trí	Tạm ứng	-	5.327.908.126
Công ty Cổ phần Tera Group	Lãi cho vay	-	1.384.252.111
Công ty Cổ phần Phức hợp Truyền thông T.H	Lãi cho vay	-	554.536.312
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Lãi cho vay	-	531.123.083
		1.777.785.200	**8.622.778.231**

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Phải thu về cho vay dài hạn			
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	2.525.000.000	1.450.000.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cho vay	-	3.450.000.000
		2.525.000.000	**4.900.000.000**
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Mua dịch vụ	5.849.789.534	5.849.789.534
Công ty TNHH Big Cat	Mua dịch vụ	1.242.574.276	2.270.759.876
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Mua dịch vụ	1.110.760.968	28.744.399
Công ty TNHH Trung tâm Nội dung số	Mua dịch vụ	25.000.000	84.450.744
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Mua dịch vụ	59.697.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Mua dịch vụ	-	222.411.825
		8.287.821.778	**8.456.156.378**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	15.059.511.102	21.310.867.823
	Cung cấp dịch vụ	-	137.093.401
Công ty TNHH Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	982.344.845	3.306.097.320
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Cung cấp dịch vụ	450.000.000	-
		16.491.855.947	**24.754.058.544**

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Công ty TNHH Big Cat	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	1.173.700.000	1.173.700.000
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	384.914.280	191.788.886
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Lãi vay	320.438.356	240.657.534
	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	270.000.000	270.000.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Chi phí hoạt động quảng cáo	50.400.000	-
	Lãi vay	604.110	604.110
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Lãi vay	2.243.836	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	-	119.894.318
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	-	60.000.000
		2.202.300.582	**2.056.644.848**
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Phải trả chuyển nhượng cổ phần	13.070.000.000	-
	Lãi vay	664.842.480	16.241.979
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Phải trả hợp tác kinh doanh	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Việt Nam Giải Trí	Lãi vay	-	207.573.065
Công Ty TNHH Yeah1 Publishing	Lãi vay	-	183.945.200
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Lãi vay	-	148.150.685
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Lãi vay	-	13.705.730
Công ty TNHH Tingting Network	Lãi vay	-	7.364.383
		15.734.842.480	**2.576.981.042**

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	15.211.623.982	5.950.000.000
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.040.000.000	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.600.000.000	-
Công ty TNHH Tingting Network	Vay	700.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Vay	-	5.300.000.000
		19.751.623.982	**11.750.000.000**
Vay dài hạn			
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	-	342.808.874
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Vay	-	171.623.982
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Vay	-	1.000.000.000
		-	**1.514.432.856**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Họ và tên	*Chức danh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023*
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	1.500.000.000	750.000.000
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	708.871.800	354.435.900
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	-	1.699.338.000
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	502.449.000
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	-	123.981.550
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	-	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng BKS	-	-
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS	-	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS	-	-
TỔNG CỘNG		**2.208.871.800**	**3.430.204.450**

36. CÁC CAM KẾT

36.1 *Cam kết thuê hoạt động (bên đi thuê)*

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	*Ngày 31 tháng 12 năm 2023*
Dưới 1 năm	22.762.167.500	24.261.360.000
Từ 1 đến 5 năm	92.990.060.000	94.132.300.000
Trên 5 năm	64.650.474.000	67.729.068.000
TỔNG CỘNG	**180.402.701.500**	**186.122.728.000**

36.2 *Cam kết góp vốn*

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		
	Vốn cam kết	*Vốn đã góp*	*Vốn còn phải góp*
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần Eco Consumer	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty TNHH Meta Blossom	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	1.062.000.000	-	1.062.000.000
Công ty Cổ phần Gigagoods	918.000.000	-	918.000.000
TỔNG CỘNG	**26.310.060.000**	**22.000.000**	**26.288.060.000**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là truyền thông và giải trí và cung cấp bản quyền nội dung số.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Truyền thông và giải trí	*Cung cấp bản quyền nội dung số*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	257.781.773.974	26.254.690.996	-	284.036.464.970
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	43.246.572.842	4.521.136.038	(47.767.708.880)	-
Tổng doanh thu thuần	301.028.346.816	30.775.827.034	(47.767.708.880)	284.036.464.970
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	11.682.403.394	22.605.515.255	(2.636.678.073)	31.651.240.576
Chi phí không phân bổ				(67.480.987.173)
Lợi nhuận từ công ty liên kết				(2.740.102.409)
Doanh thu tài chính				76.991.631.271
Chi phí tài chính				(10.756.892.904)
Lợi nhuận khác				(2.151.316.716)
Lợi nhuận trước thuế				**25.513.572.645**
Chi phí thuế TNDN				(434.455.909)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(3.624.665.475)
Lợi nhuận sau thuế				**21.454.451.261**
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định	(36.651.185.694)	(24.638.833.102)	-	(61.290.018.796)
Khấu hao và hao mòn	(2.253.654.707)	(10.461.163.805)	-	(12.714.818.512)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	1.817.594.106.346	217.206.581.464	(323.649.217.501)	1.711.151.470.309
Tài sản không phân bổ				285.469.215.677
Tổng tài sản				**1.996.620.685.986**
Công nợ bộ phận	776.637.352.805	68.813.851.876	(321.810.738.497)	523.640.466.184
Công nợ không phân bổ				71.917.657.396
Tổng công nợ				**595.558.123.580**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Truyền thông và giải trí	*Cung cấp bản quyền nội dung số*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	126.924.816.223	15.031.828.794	-	141.956.645.017
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	10.378.360.186	-	(10.378.360.186)	-
Tổng doanh thu thuần	137.303.176.409	15.031.828.794	(10.378.360.186)	141.956.645.017
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	40.401.602.987	(8.416.713.742)	2.518.502.243	34.503.391.488
Chi phí không phân bổ				(35.038.264.420)
Lợi nhuận từ công ty liên kết				(315.454.050)
Doanh thu tài chính				21.054.855.244
Chi phí tài chính				(10.229.150.422)
Lợi nhuận khác				(4.765.344.193)
Lợi nhuận trước thuế				**5.210.033.647**
Chi phí thuế TNDN				3.929.753.635
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế				**9.139.787.282**
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định	(1.332.114.959)	-	-	(1.332.114.959)
Khấu hao và hao mòn	(2.025.261.445)	-	-	(2.025.261.445)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	1.677.444.641.686	197.086.301.114	(368.751.341.730)	1.505.779.601.070
Tài sản không phân bổ				354.618.441.299
Tổng tài sản				**1.860.398.042.369**
Công nợ bộ phận	788.628.515.649	75.010.711.754	(453.439.134.593)	410.200.092.810
Công nợ không phân bổ				66.898.810.500
Tổng công nợ				**477.098.903.310**

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Vào ngày 8 tháng 7 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 770/2407/NQ/HĐQT/YEG ngày 3 tháng 7 năm 2024. Vào ngày 25 tháng 7 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.313.532.640.000 VND lên 1.370.014.540.000 VND.

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2024, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 820/2407/NQ/HĐQT/YEG, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại một số công ty con, bao gồm Công ty Cổ phần Giải trí Ana, Công ty Cổ phần Tập đoàn Care và Công ty Cổ phần Công nghệ Thương Mại Giga1 trong quý III hoặc quý IV năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, các công ty này sẽ không còn là công ty con của Công ty.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 45.360 cổ phần tương ứng với 18% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink Việt Nam") từ Công ty Cổ phần Tera Ventures với giá trị chuyển nhượng là 52.974.000.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 898-2408-HDCNCP.NETLINK-VENTURES-YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Netlink Việt Nam tăng từ 51% lên 69%.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 3.886.500 cổ phần tương ứng với 34,55% tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital") từ các bên với giá trị chuyển nhượng là 127.088.550.000 VND theo Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 896-2408-HDCNCP.Y1D-ANA-YEG, Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 897-2408-HDCNCP.Y1D-DPD-YEG, Hợp đồng Chuyển nhượng Cổ phần số 899-2408-HDCNCP.Y1D-TVQ-YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Edigital tăng từ 35% lên 69,55% và Edigital trở thành công ty con của Công ty.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 911/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 8 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua chủ trương góp thêm vốn vào Công ty TNHH 1Production ("1Production") với số tiền 211.000.000.000 VND trong năm 2024 hoặc quý 1 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất góp vốn, vốn điều lệ của 1Production tăng từ 139.000.000.000 VND lên 350.000.000.000 VND.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 882/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 7 tháng 8 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 918/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 22 tháng 8 năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc vay vốn từ các cá nhân với tổng số tiền là 227.480.150.000 VND nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Lưu Anh Khoa Người lập	Nguyễn Thị Khánh Trang Kế toán trưởng	Chế Đoàn Viên Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024